

Bản án số: 60/2025/HS-ST

Ngày 21 tháng 8 năm 2025

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ NỘI**

**- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Vũ Thị Nguyệt**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. **Ông Phạm Bá Xuân**  
2. **Ông Nguyễn Hải Hà**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Nga – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/TLHS-ST ngày 28/7/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2025/QĐXXST-HS ngày 01/8/2025, Quyết định hoãn số 56/2025/QĐHPT-ST ngày 15/8/2025, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Văn H1**, sinh năm 19xx; ĐKKHKT: Thôn G, xã B, huyện B, tỉnh H ( Nay là Thôn G, xã T, thành phố H) ; Nơi ở: Số xx đường V, phường H, thành phố H; Số giam : 2xxxGx/x.Nghề ngH2: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới T3: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn L, sinh năm 19xx và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 19xx; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Vợ: Mè Thị H, sinh năm 19xx; có 03 con sinh năm 20xx, 20xx, 20xx. Theo lý lịch địa phương cung cấp và DCB số 7xx ngày xx/x/20xx tại PC 1xA;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 3x/HSST ngày 2x/x/20xx, TAND huyện B, tỉnh H xử 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội đánh bạc (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ ngày xx/x/20xx; tạm giam: 2x/x/20xx. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số x- Công an thành phố H (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn H2**, sinh năm 19xx; ĐKKHKT: Thôn Q, xã C, huyện

C, tỉnh H (nay là Thôn Q, phường T, thành phố H).Nơi ở hiện tại: xx đường N, phường H, thành phố H; Nghề ngH2: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới T3: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; không có bố; con bà Nguyễn Thị K, sinh năm 19xx; vợ Tần San M, sinh năm 19xx; có 02 con sinh năm 20xx,20xx;Theo lý lịch địa phương cung cấp và DCB số 7xx ngày xx/xx/20xx tại PC 1xA;

Tiền án, tiền sự : Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày xx/x/20xx, tạm giam ngày xx/x/20xx. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số x- Công an thành phố H(*Có mặt tại phiên tòa*).

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn T1** – sinh năm: 19xx; ĐKHKT: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh H (nay là Thôn B, xã T, thành phố H); Nơi ở hiện tại: xx đường V, phường H, thành phố H; Nghề ngH2: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới T3: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 19xx và bà Vũ Thị H, sinh năm 19xx; Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; vợ là Phạm Thị P, sinh năm 19xx; có 03 con sinh năm 20xx, 20xx,20xx .Theo lý lịch địa phương cung cấp và DCB số 7xx ngày xx/xx/20xx tại PC 1xA;

Tiền án, tiền sự : Không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày xx/x/20xx, tạm giam ngày xx/x/20xx. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số x- Công an thành phố H (*Có mặt tại phiên tòa*).

4. Họ và tên: **Trương Sơn T2**, sinh năm 19xx; ĐKHKT: Số xx tổ xx đường V, phường C, quận B, thành phố H ( Nay là phường N, thành phố H); Nơi ở hiện nay: Số xx ngõ xx đường P, phường P, quận N, thành phố H (Nay xx ngõ xx đường, phường T, thành phố H); Nghề ngH2: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới T3: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Quý T, sinh năm 19xx và bà Vũ Thị C, sinh năm 19xx; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; vợ đã ly hôn; Có 01 con sinh năm 20xx; Theo lý lịch địa phương cung cấp và DCB số 7xx ngày xx/x/202x tại PC 1xA;

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ ngày xx/x/20xx, hủy bỏ tạm giữ ngày xx/x/20xx Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (*Có mặt tại phiên tòa*).

5. Họ và tên: **Đinh Văn P**– sinh năm 19xx; ĐKHKT:Xóm x thôn C, xã C, huyện N, tỉnh H ( Nay là thôn C, xã A, thành phố H; Nơi ở: xx đường N, phường H, thành phố H; Nghề ngH2: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới T3: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đinh Văn S (đã chết) và bà Trần Thị X, sinh năm 19xx; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba; Vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 19xx; Có 03 con, lớn sinh năm 19xx,20xx,20xx; Theo lý lịch địa phương cung cấp và DCB số 7xx ngày xx/xx/20xx tại PC 1xA;

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ ngày xx/x/20xx, hủy bỏ tạm giữ ngày xx/x/20xx Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (*Có mặt tại phiên tòa*).

6. Họ và tên: **Đặng Văn G** – sinh năm 19xx; ĐKHKTT: Thôn x, xã T, huyện T, tỉnh T (Nay là Thôn x xã T, Tỉnh T); Nơi ở: xx đường V, phường H, thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn V, sinh năm 19xx và bà Hoàng Thị Q, sinh năm 19xx; Gia đình có 02 anh chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ là Nguyễn Thị V, sinh năm 19xx; Có 02 con sinh năm 20xx, 20xx; Theo lý lịch địa phương cung cấp và DCB số 7xx ngày xx/x/20xx tại PC 1xA;

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ ngày xx/x/20xx, hủy bỏ tạm giữ ngày xx/x/20xx Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (*Có mặt tại phiên tòa*).

7. Họ và tên: **Lại Văn V** – sinh năm 19xx; ĐKHKTT: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh H ( nay là Thôn B, xã T, thành phố H); Nơi ở: xx đường N, phường H, thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lại Văn Đ, sinh năm 19xx và bà Lê Thị P, sinh năm 19xx; Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; Vợ Lưu Thị V, sinh năm 19xx; Có 03 con sinh năm 20xx, 20xx, 20xx; Theo lý lịch địa phương cung cấp và DCB số 7xx ngày xx/xx/20xx tại PC 1xA;

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày xx/x/20xx, hủy bỏ tạm giữ ngày xx/x/20xx Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (*Có mặt tại phiên tòa*).

8. Họ và tên: **Lê Hữu T3** – sinh năm 19xx; ĐKHKTT: Thôn S, xã T, huyện B, tỉnh H ( Nay là Thôn S, xã Đ, thành phố H); Nơi ở: xx đường V, phường H, thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Hữu T (đã mất) và bà Lê Thị B (đã mất); Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba; Vợ là Phạm Thị Thúy H, sinh năm 19xx; Có 02 con sinh năm 20xx, 20xx; Theo lý lịch địa phương cung cấp và DCB số 7xx ngày xx/x/20xx tại PC 1xA;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày xx/x/20xx, hủy bỏ tạm giữ ngày xx/x/20xx Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (*Có mặt tại phiên tòa*).

9. Họ và tên: **Bùi Văn Q** – sinh năm 19xx; ĐKHKTT: Thôn A, xã H, huyện T, tỉnh H ( Nay là thôn A, xã B, thành phố H); Nơi ở: xx đường V, phường H, thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn X (đã chết) và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 19xx; Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ tư; Vợ là Nhữ

Thị T, sinh năm 19xx; Có 04 con sinh năm 19xx,19xx,19xx,20xx; Theo lý lịch địa phương cung cấp và DCB số 7xx ngày xx/x/20xx tại PC 1xA;

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày xx/x/20xx, hủy bỏ tạm giữ ngày xx/x/20xx Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (*Có mặt tại phiên tòa*).

10. Họ và tên: **Vũ Văn O**– sinh năm 19xx; ĐKHKTT: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh H ( Nay là Thôn B, xã T, thành phố H); Nơi ở: xx đường N, phường H, thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn S, sinh năm 19xx và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 19xx; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; Vợ Phạm Thị L, sinh năm 19xx; Có 02 con sinh năm 20xx, 20xx; Theo lý lịch địa phương cung cấp và DCB số 7xx ngày xx/xx/20xx tại PC 1xA;

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày xx/x/20xx, hủy bỏ tạm giữ ngày xx/x/20xx Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (*Có mặt tại phiên tòa*).

11. Họ và tên: **M Văn T4** – sinh năm 19xx; ĐKHKTT: Thôn x, xã N, huyện N, tỉnh T (Nay là Thôn x, xã N, tỉnh T);Nơi ở: xx đường V, phường H, thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông M Văn T ( đã chết) và bà Trần Thị C, sinh năm 19xx; Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; Vợ: Chưa có; Theo lý lịch địa phương cung cấp và DCB số 7xx ngày xx/x/20xx tại PC 1xA;

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày xx/x/20xx, hủy bỏ tạm giữ ngày xx/x/20xx Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (*Có mặt tại phiên tòa*).

12. Họ và tên: **Vũ Đức T5**– sinh năm 19xx; ĐKHKTT: Đội xx, thôn P, xã T, huyện B, tỉnh H (Nay là Đội xx thôn P, xã Đ, thành phố H); Nơi ở: xx đường N, phường H, thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Đức B (đã chết) và bà Vũ Thị B, sinh năm 19xx; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai; vợ là Phạm Thị N, sinh năm 19xx; Có 04 con sinh năm 20xx, 20xx, 20xx, 20xx; Theo lý lịch địa phương cung cấp và DCB số 7xx ngày xx/xx/20xx tại PC1xA;

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày xx/x/20xx, hủy bỏ tạm giữ ngày xx/x/20xx Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (*Có mặt tại phiên tòa*).

13. Họ và tên: **Phạm Sỹ T6** – sinh năm 19xx; ĐKHKTT: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh H ( Nay là Thôn B, xã T, thành phố H); Nơi ở: xx đường N, phường H, thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới

T3: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Sỹ N (đã chết) và bà Phạm Thị T, sinh năm 19xx; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ là phạm Thị H, sinh năm 19xx; có 03 con sinh năm 20xx, 20xx, 20xx; Theo lý lịch địa phương cung cấp và DCB số 7xx ngày xx/xx/20xx tại PC 1xA;

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày xx/x/20xx, hủy bỏ tạm giữ ngày xx/x/20xx Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (*Có mặt tại phiên tòa*).

**- Người có quyền lợi liên quan :**

1. **Bà Nguyễn Thị M** – sinh năm 19xx; Nơi ở: Cx-NVx, Ô xx KĐT mới hai bên đường L, phường D, quận H, thành phố H; Đại diện cho công ty F. (Vắng mặt tại phiên tòa).

2. **Bà Đặng Thị Anh Đ**; Đại diện Công ty cổ phần xây dựng T II; Địa chỉ : 1xx đường T, phường H, thành phố H. (Vắng mặt tại phiên tòa)

3. **Ông Đoàn Văn D**, sinh năm 19xx; Nơi thường trú: Thôn P, xã C, phường C, tỉnh H; Nơi ở: xx đường N, phường H, thành phố H. (Vắng mặt tại phiên tòa).

**- Người làm chứng: Ông Phạm Văn K**, sinh năm 19xx; Địa chỉ 4xx tầng x; xx đường V, phường H, thành phố H) (Vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 40 phút ngày 14 tháng 04 năm 2025, tại địa chỉ phòng 4xx tầng x số nhà xx phố V, phường C, Thành phố H (nay là phường H – Thành phố H), tổ công tác của Công an phường C, Thành phố H, phát hiện và bắt quả tang 13 đối tượng Đánh bạc dưới hình thức sòc đĩa gồm: Phạm Văn H1, Nguyễn Văn H2, Trương Sơn T2, Đinh Văn P, Đặng Văn G, Lại Văn V, Lê Hữu T3, Bùi Văn Q, Nguyễn Văn T1, Vũ Văn O, M Văn T4, Phạm Sỹ T6 và Vũ Đức T5 (tất cả các đối tượng trên đều làm việc cho Công ty TNHH F Việt Nam, có địa chỉ tại: Lô XNxx, khu Công nghệ Hx, Phường T, thành phố H). Địa chỉ nhà số xx phố V là do Công ty TNHH F Việt Nam thuê để cho công nhân ở. Tổ công tác đã tiến hành, lập biên bản thu giữ các vật chứng liên quan và đưa về trụ sở để giải quyết.

Vật chứng thu giữ :

- Số tiền 19.930.000VNĐ (*Mười chín triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng*)
- 01 (một) chiếc bát màu trắng có đường kính miệng bát 10cm.
- 01 (một) chiếc đĩa màu trắng có đường kính mặt đĩa 16cm.
- 04 (bốn) quân vị bằng giấy có đường kính 1,5cm, có 01 mặt màu trắng đỏ và 01 mặt màu xanh tím than sọc vàng.

- 02 (hai) lá bài (loại bài lá 52 lá) có kích thước (8,5x5,5) cm trên mỗi lá bài bị đục thủng 02 (hai) lỗ hình tròn đường kính 1,5cm.

*Ngoài ra còn tạm giữ của:*

1- Nguyễn Văn H2: 01 (một) điện thoại nhãn hiệu OPPO Axx; IMEI 1: 86035404971xxxx, IMEI 2: 86035404971xxxx, sim trong máy: 090420xxxx đã qua sử dụng.

2- Phạm Văn H: 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung màu xám (đã qua sử dụng)

3- Trương Sơn T6: 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S Plus; IMEI: 35495107203xxxx, sim trong máy: 097256xxxx (đã qua sử dụng).

4- Nguyễn Văn T1: 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A6+ màu xanh, IMEI 1: 35647209245xxxx; IMEI 2: 35647309245xxxx (đã qua sử dụng).

5- Đinh Văn P: 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu VIVO màu xanh (đã qua sử dụng).

6- Đặng Văn G: 01 (một) chiếc điện thoại Redmi số Model: 2404Axxxx (đã qua sử dụng).

7- Lại Văn V: 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Prime, số máy: SM-G6xxx/DS (đã qua sử dụng).

8- Lê Hữu T2: 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A67 màu đen (đã qua sử dụng).

9- Bùi Văn Q: 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A72 màu đen; IMEI 1: 35784323315xxxx, IMEI 2: 35354629315xxxx (đã qua sử dụng), sim trong máy: 098663xxxx

10- Vũ Văn O: 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO màu đen, số seri: 763dc95b, sim trong máy số: 0944539461 (đã qua sử dụng).

11- Vũ Đức T5: 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung A71 (đã qua sử dụng).

12- Phạm Sỹ T6: 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone Xsmax màu đen, mặt sau bị vỡ (đã qua sử dụng).

Tại cơ quan điều tra các đối tượng khai nhận: Khoảng 19 giờ 13 phút ngày 14 tháng 4 năm 2025, Phạm Văn H sử dụng điện thoại Samsung màu xám nhắn tin vào điện thoại OPPO A52 rủ Nguyễn Văn H2 là người cùng quê và làm cùng tại công ty chơi đánh bạc được thua bằng tiền. H2 điện thoại vào máy Iphone 6S Plus rủ Trương Sơn T6 và nhờ T6 mua 01 bộ bài tú lơ khơ để đánh bạc. Khi H2 và T6 đến, H đang ở tại phòng 4xx tầng x nhà xx đường V, phường H, Thành phố H (công ty F cho H ở tại phòng này). Ban đầu H2 rủ cả nhóm chơi "liêng"

còn H thì lại rủ chơi "xóc đĩa. H2 và T6 đồng ý chơi xóc đĩa. Sau đó T6 đưa bộ bài cho H2 bốc lấy quân 5 và 6 chắt rô đưa cho H để làm 04 quân vị, H lấy bộ bát, đĩa (để ở giá bát đĩa trong phòng) ra chuẩn bị chơi. Sau khi chuẩn bị xong dụng cụ chơi bạc thì có thêm Đinh Văn P đến, Đặng Văn G đi lên rồi vào phòng của H. Thấy H, H2 và T6 chuẩn bị chơi xóc đĩa thì P và G cũng tham gia chơi. Nhóm 5 người này bắt đầu chơi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa. H2 là người cầm "cái". Khoảng 30 phút có Lại Văn V và Lê Hữu T3 đến vào phòng tham gia chơi cùng nhóm. Tiếp đó khoảng 15 phút, Bùi Văn Q đi qua phòng thấy nhóm H đang chơi xóc đĩa nên vào cũng tham gia, Nguyễn Văn T1 đi ăn về thấy cũng tham gia chơi. Vũ Văn O sử dụng điện thoại OPPO màu đen gọi cho H, khi biết H đang chơi đánh bạc nên O cũng đến chơi, M Văn T4 cũng tham gia vào chơi. Sau đó, Phạm Sỹ T6 sử dụng điện thoại Iphone Xsmax màu đen nhắn tin cho H2, khi biết H2 đang chơi xóc đĩa thì Sỹ T6 và Vũ Đức T5 đến tham gia đánh bạc.

Cách thức các đối tượng đánh bạc qua hình thức chơi xóc đĩa được quy định như sau: Quy định đặt cược thấp nhất mỗi ván là 20.000 đồng (*Hai mươi nghìn đồng*), cao nhất là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*). Về cách thức chơi, các đối tượng sử dụng 01 bát sứ, 01 đĩa sứ và 04 quân vị được cắt từ quân bài, H2 là người xóc cái sẽ cho 04 quân vị vào đĩa, úp bát lên rồi dùng hai tay xóc lên, xóc xuống nhiều lần sau đó đặt xuống để mọi người đặt tiền chơi với quy ước: bên tay trái của người cầm cái là cửa lẻ, bên tay phải của người cầm cái là cửa chẵn. Sau khi người cầm cái mở bát, nếu 04 quân vị có 03 quân mặt đen, 01 quân mặt trắng hoặc ngược lại là cửa lẻ sẽ thắng, nếu 04 quân vị có 02 mặt trắng, 02 mặt đen hoặc 04 mặt trắng hoặc 04 mặt đen thì cửa chẵn sẽ thắng. Mỗi ván chơi, người chơi sẽ đặt cược tiền vào "cửa", nếu kết quả ván đó trùng với bên "cửa" đã đặt thì người chơi sẽ được số tiền tương ứng và nếu không trùng thì sẽ bị mất số tiền đã đặt cược. Đến khoảng 22 giờ 40 phút ngày 14/4/2025, khi 13 đối tượng trên đang Đánh bạc thì bị tổ công tác Công an phường H Hà – Công an Thành phố H phát hiện và bắt quả tang. Tạm giữ tổng số tiền 19.930.000 đồng (*Mười chín triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng*). Trong đó có 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) trong chiếu bạc và 19.330.000 đồng (*Mười chín triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng*) trước mặt và trên người các con bạc, cụ thể:

- Nguyễn Văn H2 trực tiếp là người “cầm cái”, trước khi vào chơi bỏ ra số tiền là 2.900.000 đồng (*Hai triệu chín trăm nghìn đồng*) để đánh bạc nhưng trong quá trình chơi do bị thua hết tiền mặt nên H2 đã điện thoại cho anh Đoàn Văn D (SN: 1993, Nơi thường trú: Thôn P, xã C, huyện C, Tp H) hỏi vay số tiền 2.000.000 đồng. Anh D đồng ý và chuyển số tiền 2.000.000 đồng vào số tài khoản số 1902672016xxxx mở tại Ngân

hàng Techcombank của H2. Sau khi nhận được tiền chuyển khoản của D, H2 đã chuyển khoản số tiền 2.100.000 đồng (gồm: 2.000.000 đồng của D cho vay và 100.000 đồng là tiền trong tài khoản của H2) cho T6 để lấy số tiền mặt mà T6 đang thắng bạc. Lúc bị bắt H2 đang thua, cơ quan thu giữ số tiền trước mặt để sử dụng đánh bạc là 2.200.000 đồng (*Hai triệu hai trăm nghìn đồng*).

- Phạm Văn H khi vào chơi đã sử dụng số tiền 800.000 đồng (*Tám trăm nghìn đồng*) để đánh bạc, đến khi bị bắt giữ đang thua hết số tiền trên. Đối với số tiền 2.400.000 đồng (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*) thu giữ trong ví ở dưới chiếu đằng sau chỗ ngồi. H khai nhận không sử dụng số tiền trên để đánh bạc.

- Trương Sơn T6 khi tham gia chơi có số tiền 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*) để đánh bạc, khi chơi đổi cho Nguyễn Văn H2 2.100.000 đồng (*Hai triệu một trăm nghìn đồng*) tiền mặt từ số tiền đang thắng bạc để nhận lại số tiền tương ứng về tài khoản của mình, lúc bị bắt T6 đang thắng, số tiền thu giữ trước mặt là 7.900.000 đồng (*Bảy triệu chín trăm nghìn đồng*);

- Lê Hữu T3 khi tham gia vào chơi có số tiền 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) để đánh bạc, lúc bị bắt đang thắng; thu giữ trước mặt số tiền 700.000VNĐ (*Bảy trăm nghìn đồng*).

- Đinh Văn P khi tham gia vào chơi có số tiền 700.000 đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*) để đánh bạc, lúc bị bắt đang hòa; thu giữ trước mặt số tiền 700.000 đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*).

- Vũ Văn O khi tham gia vào chơi có số tiền 1.400.000 đồng (*Một triệu bốn trăm nghìn đồng*) để đánh bạc, lúc bị bắt đang hòa; thu giữ trước mặt số tiền 1.400.000 đồng (*Một triệu bốn trăm nghìn đồng*).

- M Văn T4 khi tham gia vào chơi có số tiền 950.000 đồng (*Chín trăm năm mươi nghìn đồng*) để đánh bạc, lúc bị bắt đang thắng; thu giữ trước mặt số tiền 2.300.000 đồng (*Hai triệu ba trăm nghìn đồng*).

- Bùi Văn Q khi tham gia vào chơi có số tiền 600.000 đồng (*sáu trăm nghìn đồng*) để đánh bạc, lúc bị bắt đang thua; thu giữ trước mặt số tiền 580.000 đồng (*Năm trăm tám mươi nghìn đồng*).

- Đặng Văn G khi tham gia vào chơi có số tiền 400.000 đồng (*Bốn trăm nghìn đồng*) để đánh bạc, lúc bị bắt đang hòa; thu giữ trước mặt số tiền 400.000 đồng (*Bốn trăm nghìn đồng*).

- Phạm Sỹ T6 khi tham gia vào chơi có số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) để đánh bạc, lúc bị bắt đang thắng; thu giữ trước mặt số tiền 450.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi nghìn đồng*);

- Nguyễn Văn T1 khi tham gia vào chơi có số tiền 280.000 đồng (*Hai trăm tám*

mười nghìn đồng) để đánh bạc, lúc bị bắt đang thắng; thu giữ trước mặt số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

- Lại Văn V khi tham gia vào chơi sử dụng số tiền 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) để đánh bạc, lúc bị bắt đang thua hết tiền.

- Vũ Đức T5 khi tham gia vào chơi sử dụng số tiền 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng) để đánh bạc, khi bị bắt giữ đang thua hết tiền.

Tại cơ quan điều tra - Công an Thành phố H, các đối tượng trên đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và xác định số tiền 19.630.000 đồng (Mười chín triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng) các đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Căn cứ lời khai của H2 và T6, cơ quan điều tra đã ra lệnh phong tỏa số 5042/LPT-VPCQCSĐT ngày 13 tháng 6 năm 2025 phong tỏa số tiền 2100.000 đồng trong tài khoản số 1902672016xxxx mở tại Ngân hàng Techcombank của Trương Sơn T6 để xử lý theo quy định.

Quá trình điều tra xác định, anh Đoàn Văn D cho Nguyễn Văn H2 vay số tiền 2.000.000 đồng, anh D không biết H2 sử dụng số tiền trên để đánh bạc và cũng không được hưởng lợi gì nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xử lý.

Đối với Phạm Văn K khai: Là bạn của Phạm Văn H có mặt tại phòng 4xx Tầng x số xx đường V vào thời điểm Công an bắt giữ các đối tượng đánh bạc. Tại cơ quan điều tra, K khai do chưa có việc làm nên K đến chỗ H nhờ xin việc. Khi các đối tượng đánh bạc, K chỉ nằm ở trên đệm xem điện thoại không tham gia đánh bạc nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Kết quả xét nghiệm ma túy thể hiện Nguyễn Văn T1 dương T3 với ma túy tổng hợp. Tại cơ quan điều tra T1 khai nhận trước khi bị bắt đã sử dụng ma túy, nguồn gốc ma túy mua của người không quen biết, quá trình điều tra không xác định được người bán ma túy cho T1. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H đã chuyển tài liệu đến Công an phường H Hà, Thành phố H ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Văn T1 về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 Nghị định 144/2021/NĐ-CP với mức phạt 1.500.000VNĐ (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Đối với bên thuê nhà: Chị Nguyễn Thị M ( SN: 19xx; hiện ở tại: C3-NVx, Ô xx KĐT mới hai bên đường L, phường D, quận H, thành phố H) - Đại diện cho công ty F trình bày: công ty thuê phòng 4xx tầng x số xx đường V, phường H, thành phố H cho công nhân của công ty ở khi tham gia thi công tại công trình số 1x đường T, tiền thuê nhà là do công ty trả còn tiền điện, nước do công nhân trực tiếp ở tại đây trả. Việc các đối tượng chơi bạc tại phòng 4xx công ty F không biết nên cơ quan điều tra không xử

lý.

Đối với bên cho thuê nhà: chị Đặng Thị Anh Đ là đại diện công ty cổ phần xây dựng T II trình bày: Ngày xx/x/20xx, công ty cổ phần xây dựng T II cho công ty F thuê phòng 4xx tầng x nhà xx đường V, phường H, Tp H. Theo hợp đồng bên thuê có trách nhiệm sử dụng nhà đúng mục đích, chấp hành đúng quy định của pháp luật. Sự việc các công nhân của công ty F đánh bạc ngày xx/x/20xx công ty T II không biết nên cơ quan điều tra không xử lý.

Xét địa điểm xảy ra đánh bạc do công ty F thuê và giao cho Phạm Văn H ở trong quá trình thi công, H không có quyền quản lý, quá trình đánh bạc H không thu phí của những người tham gia, H2 là người khởi xướng rủ Phạm Văn H và Trương Sơn T6 đánh bạc, H2 là người cầm cái, T6 là người lấy bộ bài rồi đưa cho H2 bóc lấy quân làm 04 quân vị, H là người lấy bộ bát, đĩa để làm công cụ chơi xóc đĩa. Tuy nhiên xét các đối tượng làm tất cả những việc trên đều nhằm đích phục vụ cho nhu cầu đánh bạc của bản thân. Do đó cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với Phạm Văn H, Nguyễn Văn H2 và Trương Sơn T6 về hành vi tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc.

Toàn bộ số vật chứng bị thu giữ được chuyển đến Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Hà Nội để chờ quyết định xử lý.

Quá trình điều tra Phạm Văn H, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn T1, Trương Sơn T6, Đinh Văn P, Đặng Văn G, Lại Văn V, Lê Hữu T3, Bùi Văn Q, Vũ Văn O, M Văn T4, Vũ Đức T5, Phạm Sỹ T6 khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 20/CT-VKS ngày 22/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Hà Nội đã truy tố các bị cáo Phạm Văn H, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn T1, Trương Sơn T6, Đinh Văn P, Đặng Văn G, Lại Văn V, Lê Hữu T3, Bùi Văn Q, Vũ Văn O, M Văn T4, Vũ Đức T5, Phạm Sỹ T6 về tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự;

Người có quyền lợi liên quan: Bà Nguyễn Thị M - Đại diện cho công ty F có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; Bà Đặng Thị Anh Đ - Đại diện Công ty cổ phần xây dựng T II vắng mặt tại phiên tòa; Ông Đoàn Văn D có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn H2 trả số tiền 2.000.000 đồng đã vay.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích T3 chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo kết luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử

-Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H từ 08 (tám) tháng tù đến 11(mười một) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16(mười sáu) tháng tù đến 22 ( hai mươi hai ) tháng, kể từ ngày tuyên án.

-Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17 điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H2 từ 07 (bảy) tháng tù đến 10(mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14( mười bốn) tháng tù đến tháng, kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 từ 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 ( mười hai) tháng tù đến 18( mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án.

-Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17 điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự.

Đề nghị phạt tiền các bị cáo Trương Sơn T6,Vũ Văn O, M Văn T4 mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Các bị cáo Đinh Văn P, Đặng Văn G, Lại Văn V, Lê Hữu T3, Bùi Văn Q,Vũ Đức T5, Phạm Sỹ T6 mỗi bị cáo 20.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 46 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) chiếc bát màu trắng có đường kính miệng bát 10cm; 01 (một) chiếc đĩa màu trắng có đường kính mặt đĩa 16cm; 04 (bốn) quân vị bằng giấy có đường kính 1,5cm, có 01 mặt màu trắng đỏ và 01 mặt màu xanh tím than sọc vàng; 02 (hai) lá bài (loại bài lá 52 lá) có kích thước (8,5x5,5) cm trên mỗi lá bài bị đục thủng 02 (hai) lỗ hình tròn đường kính 1,5cm.

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: Số tiền 2.100.000 ( Hai triệu một trăm ngàn đồng) bị phong tỏa theo lệnh số 5042 sang tài khoản của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội theo quyết định chuyển số 22 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 -Hà Nội.Theo phiếu chuyển khoản ngày 21/8/2025 vào tài khoản 100060001xxxx tại Ngân hàng T ( Số tiền trên do Nguyễn Văn H2 chuyển cho Trương Sơn T6 để đổi tiền chơi đánh bạc) và số tiền 17.530.000( Mười bảy triệu năm trăm ba mươi ngàn đồng). Trong số tiền 19.930.000 (Mười chín triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng) theo giấy nộp tiền của Công an thành phố H vào tài khoản 3949.0.905xxxx tại kho bạc Nhà nước khu vực 1 – Hà Nội ngày 06/5/2025 và Ủy nhiệm chi ngày 25/8/2025 Đơn vị nhận tiền Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội số tài khoản 3949.0.1054168.xxxxxx tại phòng giao dịch số 10- Kho bạc nhà nước khu vực I – 00xx.

- 01 (một) điện thoại nhãn hiệu OPPO A52; IMEI 1: 86035404971xxxx, IMEI 2: 86035404971xxxx, sim trong máy: 090420xxxx đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Văn H2.

- 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung màu xám (đã qua sử dụng) thu giữ của Phạm Văn H.

- 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S Plus; IMEI: 35495107203xxxx,

sim trong máy: 0972567586 (đã qua sử dụng) thu giữ của Trương Sơn T6.

- 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO màu đen, số seri: 763dxxxx, sim trong máy số: 094453xxxx (đã qua sử dụng) thu giữ của Vũ Văn O.

- 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone Xsmax màu đen, mặt sau bị vỡ (đã qua sử dụng) thu giữ của Phạm Sỹ T6.

Trả lại cho bị cáo Phạm Văn H số tiền 2.400.000( Hai triệu bốn trăm ngàn đồng) Trong số tiền 19.930.000 ( Mười chín triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng) theo giấy nộp tiền của Công an thành phố Hà Nội vào tài khoản 3949.0.905xxxx tại kho bạc Nhà nước khu vực 1 – Hà Nội ngày xx/x/20xx và Ủy nhiệm chi ngày xx/x/20xx Đơn vị nhận tiền Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội số tài khoản 3949.0.1054168.xxxxx tại phòng giao dịch số xx- Kho bạc nhà nước khu vực I – 00xx.

Trả cho bị cáo Nguyễn Văn T1 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A6+ màu xanh, IMEI 1: 35647209245xxxx; IMEI 2: 35647309245xxxx; Trả cho bị cáo Đinh Văn P 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu VIVO màu xanh; Trả cho bị cáo Đặng Văn G 01 (một) chiếc điện thoại Redmi số Model: 2404Axxxx; Trả cho bị cáo Lại Văn V: 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Prime, số máy: SM-G6xxx/DS; Trả cho bị cáo Lê Hữu T3: 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A67 màu đen; Trả cho bị cáo Bùi Văn Q 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A72 màu đen; IMEI 1: 35784323315xxxx, IMEI 2: 35354629315xxxx, sim trong máy: 098663xxxx; Trả cho bị cáo Vũ Đức T5: 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung A71.

Toàn bộ vật chứng trên có tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng số xx/QĐ-VKS ngày xx/xx/20xx của Viện kiểm sát khu vực 1-Hà Nội đến Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Hà Nội và Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số xx/KV1-20xx ngày xx/x/20xx của cơ quan điều tra với phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Hà Nội và phiếu chuyển khoản ngày xx/x/20xx vào tài khoản 100060001xxxx tại Ngân hàng T; theo giấy nộp tiền của Công an thành phố Hà Nội vào tài khoản 3949.0.905xxxx tại kho bạc Nhà nước khu vực 1 – Hà Nội ngày xx/x/20xx và Ủy nhiệm chi ngày xx/x/20xx. Đơn vị nhận tiền Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội số tài khoản 3949.0.1054168.xxxxx tại phòng giao dịch số xx- Kho bạc nhà nước khu vực I – 00xx.

Về án phí : Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghe Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội, các bị cáo không có ý kiến gì tranh luận với bản luận tội về điều luật áp dụng; tội danh và hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Căn cứ tài liệu điều tra có trong hồ sơ thể hiện: Khoảng xx giờ xx phút ngày xx/x/20xx, tại phòng xxx tầng x số xx đường V, phường C, quận H, Tp H (nay thuộc phường H, Tp H), Phạm Văn H Nguyễn Văn H2, Trương Sơn T6, Đinh Văn P, Đặng Văn G Lại Văn V, Lê Hữu T3, Bùi Văn Q, Nguyễn Văn T1, Vũ Văn O, M Văn T4, Phạm Sỹ T6 và Vũ Đức T5 đang đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi xóc đĩa. Tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là: 19.630.000 đồng (là tổng số tiền đã thu tiền mặt và số tiền 2.100.000 đồng phong tỏa tài khoản số tiền của Trương Sơn T6 sau khi đối trừ số tiền 2.400.000 đồng không sử dụng đánh bạc của Phạm Văn H) thì bị tổ công tác Công an phường C, Thành phố H phát hiện và bắt quả tang cùng vật chứng.

[3]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự trị an xâm phạm đến đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Đánh bạc là tệ nạn xã hội, là nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm khác, các bị cáo là người trưởng thành có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Vì vậy cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4]. Xét T3 chất, mức độ, hành vi, vai trò các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo:

Trong vụ án này có nhiều bị cáo tham gia đánh bạc nhưng khi phạm tội các bị cáo không có sự phân công, bàn bạc cụ thể, không phân vai trò cho từng người, hành vi của các bị cáo mang T3 chất tự phát.

Xét về vị T4, vai trò của các bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy bị cáo Phạm Văn H nhấn tin rủ Nguyễn Văn H2 đánh bạc được thua bằng tiền. Hành vi của các bị cáo có T3 chất mức độ nguy hiểm cao hơn và có vị T4 vai trò ngang nhau. Các bị cáo khác có T3 chất và mức độ nguy hiểm thấp hơn và có vai trò ngang nhau

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự : Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự :Tất cả các bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo

Nguyễn Văn H2, bị cáo Nguyễn Văn T1 phạm tội lần đầu chưa có tiền án tiền sự nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Phạm Văn H nhân thân xấu có bản án số 32/HSST ngày 27/8/2015, Tòa án nhân dân huyện Bình G, tỉnh H xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội đánh bạc nhưng đã được xóa án tích. Gia đình bị cáo có đơn xác nhận của chính quyền địa phương bị cáo H là lao động duy nhất trong gia đình nên bị cáo được hưởng tình tiết quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Trương Sơn T6, Đinh Văn P, Đặng Văn G, Lại Văn V, Lê Hữu T3, Bùi Văn Q, Vũ Văn O, M Văn T4, Vũ Đức T5, Phạm Sỹ T6 phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự, nhân thân tốt. Hành vi của các bị cáo thuộc T5 hợp ít nghiêm trọng. Hành vi, vai trò của các bị cáo là ngang nhau nên được áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo khoản 2 Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Sau khi xem xét toàn diện các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, T3 chất mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo Phạm Văn H, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn T1, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội. Đối với các bị cáo Trương Sơn T6, Đinh Văn P, Đặng Văn G, Lại Văn V, Lê Hữu T3, Bùi Văn Q, Vũ Văn O, M Văn T4, Vũ Đức T5, Phạm Sỹ T6 Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội.

[3]. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) chiếc bát màu trắng có đường kính miệng bát 10cm; 01 (một) chiếc đĩa màu trắng có đường kính mặt đĩa 16cm; 04 (bốn) quân vị bằng giấy có đường kính 1,5cm, có 01 mặt màu trắng đỏ và 01 mặt màu xanh tím than sọc vàng; 02 (hai) lá bài (loại bài lá 52 lá) có kích thước (8,5x5,5) cm trên mỗi lá bài bị đục thủng 02 (hai) lỗ hình tròn đường kính 1,5cm.

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: Số tiền 2.100.000 ( Hai triệu một trăm ngàn đồng) bị phong tỏa theo lệnh số 5042 sang tài khoản của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội theo quyết định chuyển số 22 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 -Hà Nội.Theo phiếu chuyển khoản ngày xx/x/20xx vào tài khoản 100060001xxxx tại Ngân hàng T ( Số tiền trên do Nguyễn Văn H2 chuyển cho Trương Sơn T6 để đổi tiền chơi đánh bạc) và số tiền 17.530.000( Mười bảy triệu năm trăm ba mươi ngàn đồng). Trong số tiền 19.930.000 (Mười chín triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng) theo giấy nộp tiền của Công an thành phố Hà Nội vào tài khoản 3949.0.9052463 tại kho bạc Nhà nước khu vực 1 – Hà Nội ngày 06/5/2025 và Ủy nhiệm chi ngày 25/8/2025. Đơn vị nhận tiền Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội số tài khoản 3949.0.1054168.xxxxxx tại phòng giao dịch số 1x- Kho bạc nhà nước khu vực I – 00xx.

- 01 (một) điện thoại nhãn hiệu OPPO A52; IMEI 1: 86035404971xxxx, IMEI 2: 86035404971xxxx, sim trong máy: 090420xxxx đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Văn H2.

- 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung màu xám (đã qua sử dụng) thu giữ của Phạm Văn H.

- 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S Plus; IMEI: 35495107203xxxx, sim trong máy: 097256xxxx (đã qua sử dụng) thu giữ của Trương Sơn T6.

- 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO màu đen, số seri: 763dxxxx, sim trong máy số: 094453xxxx (đã qua sử dụng) thu giữ của Vũ Văn O.

- 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone Xsmax màu đen, mặt sau bị vỡ (đã qua sử dụng) thu giữ của Phạm Sỹ T6.

Trả lại cho bị cáo Phạm Văn H số tiền 2.400.000( Hai triệu bốn trăm ngàn đồng) Trong số tiền 19.930.000 ( Mười chín triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng) theo giấy nộp tiền của Công an thành phố Hà Nội vào tài khoản 3949.0.905xxxx tại kho bạc Nhà nước khu vực 1 – Hà Nội ngày xx/x/20xx và Ủy nhiệm chi ngày xx/x/20xx Đơn vị nhận tiền Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội số tài khoản 3949.0.1054168.xxxxxx tại phòng giao dịch số xx- Kho bạc nhà nước khu vực I – 00xx.

Trả cho bị cáo Nguyễn Văn T1 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A6+ màu xanh, IMEI 1: 35647209245xxxx; IMEI 2: 35647309245xxxx; Trả cho bị cáo Đinh Văn P 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu VIVO màu xanh; Trả cho bị cáo Đặng Văn G 01 (một) chiếc điện thoại Redmi số Model: 2404Axxxx; Trả cho bị cáo Lại Văn V: 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Prime, số máy: SM-Gxxxx/DS; Trả cho bị cáo Lê Hữu T3: 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A67 màu đen; Trả cho bị cáo Bùi Văn Q 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A72 màu đen; IMEI 1: 35784323315xxxx, IMEI 2: 35354629315xxxx, sim trong máy: 098663xxxx; Trả cho bị cáo Vũ Đức T5: 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung A71.

Toàn bộ vật chứng trên có tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng số 2x/QĐ-VKS ngày xx/xx/20xx của Viện kiểm sát khu vực 1-Hà Nội đến Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Hà Nội và Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số xx/KV1-20xx ngày xx/x/20xx của cơ quan điều tra với phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Hà Nội và phiếu chuyển khoản ngày xx/x/20xx vào tài khoản 100060001xxxx tại Ngân hàng T; theo giấy nộp tiền của Công an thành phố Hà Nội vào tài khoản 3949.0.905xxxx tại kho bạc Nhà nước khu vực 1 – Hà Nội ngày xx/x/20xx và Ủy nhiệm chi ngày xx/x/20xx Đơn vị nhận tiền Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội số tài khoản 3949.0.1054168.xxxxxx tại phòng giao dịch số xx- Kho bạc nhà nước khu vực I – 00xx.

[4]. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo, người liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Tuyên bố bị cáo Phạm Văn H, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn T1, Trương Sơn T6, Đinh Văn P, Đặng Văn G, Lại Văn V, Lê Hữu T3, Bùi Văn Q, Vũ Văn O, M Văn T4, Vũ Đức T5, Phạm Sỹ T6 phạm tội “Đánh bạc”.**

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt Phạm Văn H 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án.(Bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/04/2025 đến ngày xét xử).

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Phạm Văn H nếu bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo Phạm Văn H về UBND xã B, huyện B, tỉnh H (Nay là Thôn Gòi, xã T, thành phố H) giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của bản án. Trong T5 hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92, Điều 93 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17,điểm i, s khoản 1 Điều 51 Điều 65 Bộ luật hình sự, Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt Nguyễn Văn H2 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 20 (hai mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.(Bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/04/2025 đến ngày xét xử).

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Văn H2 nếu bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo Nguyễn Văn H2 về UBND xã C, huyện C, tỉnh H (nay là Thôn Q, phường T, thành phố H) giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của bản án. Trong T5 hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92, Điều 93 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17,điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt Nguyễn Văn T1 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án.(Bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/04/2025 đến ngày xét xử).

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Văn T1 nếu bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T1 về UBND xã B, huyện Bình G, tỉnh H (nay là Thôn B, xã T, thành phố H) giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của bản án. Trong T5 hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92, Điều 93 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Điều 35, khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Sơn T6 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng)

Xử phạt bị cáo Vũ Văn O, bị cáo M Văn T4 mỗi bị cáo 25.000.000 đồng ( hai mươi lăm triệu đồng).

Xử phạt các bị cáo Đinh Văn P, Đặng Văn G, Lại Văn V, Lê Hữu T3, Bùi Văn Q, Vũ Đức T5, Phạm Sỹ T6 mỗi bị cáo 20.000.000 đồng ( hai mươi triệu đồng)

-Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) chiếc bát màu trắng có đường kính miệng bát 10cm; 01 (một) chiếc đĩa màu trắng có đường kính mặt đĩa 16cm; 04 (bốn) quân vị bằng giấy có đường kính 1,5cm, có 01 mặt màu trắng đỏ và 01 mặt màu xanh tím than sọc vàng; 02 (hai) lá bài (loại bài lá 52 lá) có kích thước (8,5x5,5) cm trên mỗi lá bài bị đục thủng 02 (hai) lỗ hình tròn đường kính 1,5cm.

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: Số tiền 2.100.000 ( Hai triệu một trăm ngàn đồng) bị phong tỏa theo lệnh số 5042 sang tài khoản của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội theo quyết định chuyển số 22 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 -Hà Nội.Theo phiếu chuyển khoản ngày 21/8/2025 vào tài khoản 100060001xxxx tại Ngân hàng T ( Số tiền trên do Nguyễn Văn H2 chuyển cho Trương Sơn T6 để đổi tiền chơi đánh bạc) và số tiền 17.530.000( Mười bảy triệu năm trăm ba mươi ngàn đồng). Trong số tiền 19.930.000 (Mười chín triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng) theo giấy nộp tiền của Công an thành phố Hà Nội vào tài khoản 3949.0.905xxxx tại kho bạc Nhà nước khu vực 1 – Hà Nội ngày 06/5/2025 và Ủy nhiệm chi ngày 25/8/2025 Đơn vị nhận tiền Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội số tài khoản 3949.0.1054168.xxxxxx tại phòng giao dịch số xx- Kho bạc nhà nước khu vực I – 00xx.

- 01 (một) điện thoại nhãn hiệu OPPO A52; IMEI 1: 86035404971xxxx, IMEI 2: 86035404971xxxx, sim trong máy: 090420xxxx đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Văn H2.

- 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung màu xám (đã qua sử dụng) thu giữ của Phạm Văn H.

- 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S Plus; IMEI: 35495107203xxxx, sim trong máy: 097256xxxx (đã qua sử dụng) thu giữ của Trương Sơn T6.

- 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO màu đen, số seri: 763dxxxx, sim trong máy số: 094453xxxx (đã qua sử dụng) thu giữ của Vũ Văn O.

- 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone Xsmax màu đen, mặt sau bị vỡ (đã qua sử dụng) thu giữ của Phạm Sỹ T6.

Trả lại cho bị cáo Phạm Văn H số tiền 2.400.000( Hai triệu bốn trăm ngàn đồng) Trong số tiền 19.930.000 ( Mười chín triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng) theo giấy nộp tiền của Công an thành phố Hà Nội vào tài khoản 3949.0.905xxxx tại kho bạc Nhà nước khu vực 1 – Hà Nội ngày 06/5/2025 và Ủy nhiệm chi ngày 25/8/2025 Đơn vị nhận tiền Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội số tài khoản 3949.0.1054168.xxxxx tại phòng giao dịch số xx- Kho bạc nhà nước khu vực I – 00xx.

Trả cho bị cáo Nguyễn Văn T1 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A6+ màu xanh, IMEI 1: 35647209245xxxx; IMEI 2: 35647309245xxxx; Trả cho bị cáo Đinh Văn P 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu VIVO màu xanh; Trả cho bị cáo Đặng Văn G 01 (một) chiếc điện thoại Redmi số Model: 2404Axxxx; Trả cho bị cáo Lại Văn V: 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Prime, số máy: SM-Gxxxx/DS; Trả cho bị cáo Lê Hữu T3: 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A67 màu đen; Trả cho bị cáo Bùi Văn Q 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A72 màu đen; IMEI 1: 35784323315xxxx, IMEI 2: 35354629315xxxx, sim trong máy: 098663xxxx; Trả cho bị cáo Vũ Đức T5: 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung A71.

Toàn bộ vật chứng trên có tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng số 22/QĐ-VKS ngày 22/07/2025 của Viện kiểm sát khu vực 1-Hà Nội đến Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Hà Nội và Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 61/KV1-2025 ngày 29/8/2025 của cơ quan điều tra với phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Hà Nội và phiếu chuyển khoản ngày 21/8/2025 vào tài khoản 100060001xxxx tại Ngân hàng T; theo giấy nộp tiền của Công an thành phố Hà Nội vào tài khoản 3949.0.9052463 tại kho bạc Nhà nước khu vực 1 – Hà Nội ngày 06/5/2025 và Ủy nhiệm chi ngày 25/8/2025 Đơn vị nhận tiền Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội số tài khoản 3949.0.1054168.xxxxx tại phòng giao dịch số 10- Kho bạc nhà nước khu vực I – 0017.

- Án phí : Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu ,miễn,giảm, thu,nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc các bị Phạm Văn H, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn T1, Trương Sơn T6, Đinh Văn P, Đặng Văn G, Lại Văn V, Lê Hữu T3, Bùi Văn Q, Vũ Văn O, M Văn T4, Vũ Đức T5, Phạm Sỹ T6 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng ( Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự các bị cáo Phạm Văn H, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn T1, Trương Sơn T6, Đinh Văn P, Đặng Văn G, Lại Văn V, Lê Hữu T3, Bùi Văn Q, Vũ Văn O, M Văn T4, Vũ Đức T5, Phạm Sỹ T6 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo; người liên quan;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hà Nội;
- Trại tạm giam số 1 Công an TP Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 1- Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Thị Nguyệt**

